TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2019/HS-ST
Ngày: 05-11-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Đắc Thắng và bà Nguyễn Thị Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hường - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Huyền Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 41/2019/TLST-HS ngày 20/9/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2019/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn H; sinh ngày 11/5/1994 tại Đ, Gia Lai; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã Phú An, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị H; tiền án: Không, tiền sự: Có 01 tiền sự về hành vi xâm phạm sức khỏe của người khác; bị tạm giữ ngày 13/4/2019 đến ngày 16/4/2019 chuyển tạm giam cho đến nay; có mặt.

- Bị hại:

1. Võ Thanh H1, sinh năm 1994; địa chỉ : 220 Quang Trung, Tổ 7, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt;

2. Trần Thị Kim C, sinh năm 1996; địa chỉ: Tổ 8, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Phạm Đình L, sinh năm 1995; nơi ĐKHKTT: Thôn A, xã P, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; hiện đang chấp hành án tại: Phân trại số 2, Trại giam X, tỉnh Phú Yên; vắng mặt;

2. Nguyễn Duy P, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

- Người làm chứng: Nguyễn Văn T, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 21/6/2013, Nguyễn Văn H rủ Phạm Đình L và Nguyễn Duy P cùng trú tại thôn An Hòa, xã P, huyện Đ đi cướp tài sản thì L, P đồng ý. L về nhà lấy hai dao thái lan rồi đưa Hiền một dao cán màu đen L cầm một dao cán màu vàng; P vào nhà cầm theo một con dao thái lan cán màu vàng. P điều khiển xe môtô 81K1-020.35 chở Hiền, L điều khiển xe môtô 81S7-4193. Khi đến đoạn đường đất trước Sân vận động Trường Quang Trung thấy anh Võ Thanh H1 và chị Trần Thị Kim C đang ngồi nói chuyện bên cạnh có một Cếc xe máy. Cả ba xuống xe nhưng không tắt máy, L cầm dao kê vào cổ chị C, H cầm dao kê vào cổ anh H, P cầm dao kê vào bụng anh H. Rồi H nói "Đưa điện thoại hết đây", Hoàng và C rút điện thoại di động hiệu Nokia 1202 và 1280 đưa cho L, H. Sau đó H tiếp tục nói "Đưa hết tiền đây" thì H1 rút ví da màu đà (bên trong có 01 Chứng minh nhân dân mang tên Võ Thanh Hoàng, 01 chứng nhận bảo hiểm dân sự xe mô tô BKS 81F5-8893 và số tiền 60.000đ), H giật lấy. Lúc này L thấy trên cổ chị C có đeo sợi dây chuyền bạc nên dùng tay giật lấy sợi dây chuyền bỏ vào túi quần. Sau khi Cếm đoạt tài sản, sợ C và Hoàng đuổi theo, P yêu cầu Hoàng đưa chìa khoá xe vứt đi, rồi rút buri xe máy của Hoàng, sau đó cả ba lên xe bỏ đi. Khi điều khiển xe qua đường Hoàng Hoa Thám, L vứt con dao thái lan vào bụi cây, còn P lái xe chở Hiền về gần cây xăng Lê Công Năm, P đưa dao cho H cầm. H lục ví cướp được lấy 60.000đ, còn ví da và giấy tờ cùng hai con dao H vứt ở bụi cây gần đó, sau đó cả ba dùng số tiền trên đi uống nước rồi về nhà ngủ. Ngày hôm sau, do điện thoại Nokia 1280 không sử dụng được, dây chuyền bạc không có giá trị nên L đem vứt ở kênh thuỷ lợi thuộc thôn An Hoà, xã Phú An, huyện Đ. Điện thoại Nokia 1202 của H1, H đem bán tại tiệm điện thoại Minh T được 100.000đ, số tiền có được, H cùng đồng bọn tiêu xài hết.

Tại bản kết luận định giá số 03/KLĐGTS ngày 06/3/2014 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thị xã A xác định: Điện thoại di động Nokia 1280 trị giá 120.000đ, điện thoại di động Nokia 1202 trị giá 80.000đ, sợi dây chuyền bạc trọng lượng 01 chỉ trị giá 90.000đ và ví da trị giá 150.000đ.

Sau khi gây án, Nguyễn Văn H bỏ trốn khỏi địa P, Nguyễn Duy P và Phạm Đình L bị Tòa án nhân dân thị xã A xét xử về tội "Cướp tài sản" vào năm 2014. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A quyết định khởi tố bị can và ra quyết định truy nã đối với H. Ngày 13/4/2019, Nguyễn Văn H đầu thú tại Công an thị xã A.

Về trách nhiệm dân sự: Bản án số 28/2014/HSST ngày 22/10/2014 của Toà án nhân dân thị xã A đã xử phạt tù đối với Phạm Đình L, Nguyễn Duy P và buộc L và P phải liên đới bồi thường cho bị hại Võ Thanh H 650.000đ, C 450.000đ. L và P đã bồi thường xong cho bị hại. L không yêu cầu H phải trả lại cho L số tiền L đã bồi thường cho bị hại. P yêu cầu H phải hoàn trả lại cho P số tiền bị cáo có

nghĩa vụ bồi thường mà P đã bồi thường thay. Bị cáo đã nộp tại C cục Thi hành án dân sự thị xã A 400.000đ để bồi hoàn cho P.

Lời khai của bị hại Võ Thanh H1 và Trần Thị Kim C có tại hồ sơ thể hiện: Ngày 21/6/2013 khi H và C đang ngồi chơi tại đoạn đường đất trước Sân vận động Trường Quang Trung thì có ba thanh niên đi trên hai xe máy đến một người dùng dao kê vào cổ chị C, hai người kia một người dùng dao kê vào cổ,một người dùng dao kê vào bụng anh H và yêu cầu chị C, anh H phải đưa điện thoại, đưa tiền. Do vị trí trời tối và họ đều có dao nên anh H, chị C đã đưa cho họ 02 điện thoại, 01 ví da bên trong có các giấy tờ và 60.000đ. Sau đó một người thanh niên giật lấy sợi dây chuyền bằng bạc của chị C, một người khác lấy chìa khóa xe rồi vứt đi.

Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Đình L và Nguyễn Duy P có tại hồ sơ thể hiện: Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 21/6/2013, Nguyễn Văn H rủ Phạm Đình L và Nguyễn Duy P đi cướp tài sản thì L, P đồng ý. L, P, H mỗi người cầm theo một con dao, cả ba đi trên hai xe mô tô đến đoạn đường đất trước Sân vận động Trường Quang Trung thấy chị C và anh H đang ngồi trên xe máy, cả ba đến dùng dao khống chế và Cếm đoạt 02 điện thoại, 01 sợi dây chuyền bạc, 01 ví da bên trong có các giấy tờ và 60.000đ. Vào ngày 22/10/2014 Tòa án nhân dân thị xã A đã xét xử L và P, theo bản án đã buộc L và P liên đới bồi thường cho anh H, chị C. L và P đã bồi thường xong, P yêu cầu H phải hoàn trả cho P số tiền mà P đã bồi thường thay cho bị cáo.

Tại Bản cáo trạng số 40/CT-VKS ngày 19/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã A đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Hvề tội "Cướp tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Hphạm tội "Cướp tài sản"; đề nghị áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo từ 6 năm đến 6 năm 6 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự, buộc bị cáo phải bồi hoàn cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Duy P 184.000đ. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về áp dụng pháp luật: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và các quy định tương ứng của Bộ luật Hình sự 2015 để xem xét trách

nhiệm hình sự đối với bị cáo. Tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trước 0 giờ 00 phút ngày 01/01/2018, mặt khác mức hình phạt về tội cướp tài sản theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 133 của Bộ luật Hình sự 1999 bằng mức hình phạt về tội cướp tài sản theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015, vì vậy theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội thì cần áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và các quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 để xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự của bị cáo được áp dụng theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 để xem xét.

[3] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án do đó đã có đủ cơ sở xác định: Vào ngày 21/6/2013 Phạm Đình L, Nguyễn Duy P và Nguyễn Văn H đã dùng dao khống chế chị Trịnh Thị Kim C và anh Võ Thanh H để Cếm đoạt của chị C và anh H 02 điện thoại, 01 ví da, 01 dây chuyền bằng bạc và 60.000đ, tổng giá trị tài sản Cếm đoạt là 500.000đ nên đã phạm vào tội *"Cướp tài sản"* theo quy định tại Điều 133 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Việc sử dụng dao khi thực hiện phạm tội là tình tiết định khung *"Sử dụng P tiện nguy hiểm"*, do vậy hành vi của Phạm Đình L, Nguyễn Duy P và bị cáo Nguyễn Văn H đã phạm vào tội "*Cướp tài sản"* theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 133 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Phạm Đình L và Nguyễn Duy P đã bị xét xử theo bản án số 28/2014/HSST ngày 22/10/2014 của Toà án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

[4] Bị cáo cùng Phạm Đình L và Nguyễn Duy P cố ý cùng nhau thực hiện một tội phạm nên thuộc trường hợp đồng phạm theo quy định tại Điều 20 của Bộ luật Hình sự 1999. Tuy nhiên giữa bị cáo và L, P không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ, tổ chức thực hiện nên chỉ là đồng phạm giản đơn với vai trò đều là người thực hành, trong đó bị cáo là người khởi xướng và tích cực thực hiện hành vi phạm tội nên là người đóng vai trò chính trong vụ án.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Về tình tiết giảm nhẹ, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; bị cáo ra đầu thú là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự 1999 cần được xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[6] Về nhân thân: Vào ngày 23/4/2013 bị cáo bị Công an thị xã A xử phạt tiền về hành vi xâm phạm sức khoẻ của người khác. Tính đến thời điểm phạm tội ngày 21/6/2013 vẫn chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính, nên xác định bị cáo đang có 01 tiền sự khi thực hiện hành vi phạm tội.

[7] Về hình phạt: Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc Cếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo đã bị xử phạt tiền về hành vi xâm phạm sức khoẻ của người khác nhưng không lấy đó làm bài học mà xem thường pháp luật, rủ rê L

và P dùng dao khống chế người khác để Cếm đoạt tài sản. Sau khi phạm tội bị cáo bỏ trốn, làm ảnh hưởng đến quá trình điều tra, truy tố, xét xử. Xét hành vi phạm tội của bị cáo là hết sức nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác và còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa P. Do vậy cần phải xử phạt mức án nghiêm khắc để không chỉ răn đe, giáo dục đối với bị cáo mà còn phòng ngừa chung cho xã hội. Trên cơ sở cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ một thời gian để bị cáo có điều kiện học tập, cải tạo trở thành công dân tốt. Bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 nên cần áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự để xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Do Phạm Đình L, Nguyễn Duy P và bị cáo Nguyễn Văn H cùng gây ra thiệt hại nên phải cùng liên đới bồi thường thiệt hại theo phần bằng nhau theo quy định tại Điều 616 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Tại bản án số 28/2014/HSST ngày 22/10/2014 của Tòa án nhân dân thị xã A đã buộc Phạm Đình L và Nguyễn Duy P phải liên đới bồi thường cho bị hại Võ Thanh H 650.000đ, trong đó L 325.000đ, P 325.000đ; bồi thường cho C 450.000đ, trong đó L 225.000đ, P 225.000đ. L và P đã bồi thường xong cho bị hại, nên H phải hoàn trả lại cho Phạm Đình L và Nguyễn Duy P mỗi người số tiền là (325.000 – (650.000đ : 3)) + (225 – (450.000 : 3)) = 184.000đ. Phạm Đình L không yêu cầu H phải hoàn trả nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nguyễn Duy P yêu cầu bị cáo phải hoàn trả là đúng quy định của pháp luật nên cần buộc bị cáo phải hoàn lại số tiền 184.000đ cho Nguyễn Duy P. Bị cáo đã nộp tại C cục Thi hành án dân sự thị xã A 400.000đ để bồi hoàn cho P.

[9] Về xử lý vật chứng: Đã được giải quyết theo Bản án số 28/2014/HSST ngày 22/10/2014 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 260; khoản 1 Điều 268; khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 299 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Điểm d khoản 2 Điều 133; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999;

Điều 608, 616 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội "Cướp tài sản".

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 06 (sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, ngày 13/4/2019.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Nguyễn Duy P 184.000đ (*Một trăm tám mươi tư nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền bị cáo đã nộp là 400.000đ theo biên lai thu tiền số 0006426 ngày 05/11/2019 của C cục Thi hành án dân sự thị xã A. Trả lại cho bị cáo 216.000đ (hai trăm mười sáu nghìn đồng).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (05/11/1019), bị cáo có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đối với bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ cho họ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Công an thị xã A;
- C cục THADS thị xã A;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Bích Thảo